

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI

Số: 06/2025/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 11 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Xuân Chiến

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai tham gia phiên họp: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, về việc: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp theo quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 35/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Phạm T, sinh năm 1964; bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Gia Lai, (ông N bà T có yêu cầu vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, vợ chồng ông Phạm T, bà Huỳnh Thị N thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) vào ngày 23 tháng 10 năm 1985, được Ủy ban nhân dân xã H cấp Giấy công nhận kết hôn số 444, quyển 01, ngày 23/10/1985, ghi tên chồng Phạm T, sinh 1964, vợ Huỳnh Thị N, sinh năm 1967. Thời điểm đăng ký kết hôn bà N thực tế là sinh năm 1968, là chưa đủ 18 tuổi. Theo quy định pháp luật thì bà N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, nhưng khi làm thủ tục kết hôn bà N khai sinh năm 1967 để đủ tuổi được đăng ký kết hôn. Cán bộ tư pháp xã cũng không kiểm tra nên cho ông bà đăng ký và ghi tên trong giấy Công nhận kết hôn chồng Phạm T, sinh năm 1964, ghi tên vợ Huỳnh Thị N, sinh năm 1967. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sinh sống hạnh phúc tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình (nay là Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Gia Lai) và có 3 người con.

Để thực hiện đúng quy định của pháp luật về tuổi đăng ký kết hôn và các giấy tờ khác có liên quan đến nhân thân của vợ chồng ông bà. Nay ông bà làm đơn yêu

cầu Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật theo Giấy công nhận kết hôn đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, số D, quyển 01 ngày 23/10/1985, đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông bà tên Phạm T, sinh ngày 01/01/1964 và Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/01/1968, kể từ thời điểm bà N đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khi Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật về con chung và tài sản chung ông bà không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định. Quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Phạm T bà Huỳnh Thị N về hủy kết hôn trái pháp luật theo Giấy công nhận kết hôn số 444, quyển 01 được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) cấp ngày 23/10/1985. Đồng thời công nhận quan hệ hôn nhân cho ông Phạm T, sinh ngày 01/01/1964 và bà Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/01/1968 kể từ ngày 01/01/1986 là ngày bà N đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vợ chồng ông Phạm T, bà Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm bà N đủ tuổi kết hôn. Giấy công nhận kết hôn do UBND xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) cấp ngày 23/10/1985. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Kèm theo đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, ông T bà N nộp cho Tòa án bản sao chứng minh nhân dân Huỳnh Thị N, sinh năm 1968, căn cước công dân Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/01/1968; căn cước công dân Phạm T, sinh ngày 01/01/1964; bản sao giấy khai sinh Phạm Đình T1, Phạm Thị T2 là các con của ông T, bà N đều thể hiện tên cha

Phạm T, sinh năm 1964, tên mẹ Huỳnh Thị N, sinh năm 1968.

Tại biên bản xác minh ngày 05/8/2025, UBND phường H cung cấp, ngày 23/10/1985, UBND xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) có làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông Phạm T và bà Huỳnh Thị N. Thời điểm đăng ký kết hôn do việc kê khai thông tin cá nhân của bà N không chính xác nên tư pháp xã đã làm thủ tục, được UBND xã H cấp Giấy công nhận kết hôn số 444, quyển 01 ghi tên chồng Phạm T, sinh năm 1964, tên vợ Huỳnh Thị N, sinh năm 1967, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tấn Thạnh, H, H, N; Ngày đăng ký 23/10/1985. Kết quả xác minh là phù hợp với Giấy công nhận kết hôn ông T bà N cung cấp cho Tòa án.

Đối chiếu với các giấy tờ tùy thân hiện nay của ông T bà N có căn cứ xác định thời điểm đăng ký kết hôn ngày 23/10/1985, bà Huỳnh Thị N chưa đủ 18 tuổi nhưng được UBND xã H cho đăng ký kết hôn là không đúng quy định pháp luật. Do đó, Giấy công nhận kết hôn số 444, quyển 01 của UBND xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình cấp ngày 23/10/1985 ghi tên chồng Phạm T, sinh năm 1964, vợ Huỳnh Thị N, sinh năm 1967 là trái pháp luật. Nay ông T bà N yêu cầu Tòa án hủy kết hôn nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp: Vợ chồng T bà N tự nguyện đi đến hôn nhân, từ khi kết hôn đến nay ông T bà N chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại xã H (nay là phường H), có với nhau 03 người con. Ông T bà N đều có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân từ khi bà N đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ các giấy tờ tùy thân hiện nay bà Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/01/1968, như vậy tính đến ngày 01/01/1986, bà N đủ 18 tuổi, là đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 2, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm T, sinh ngày 01/01/1964 và bà Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/01/1968, kể từ ngày 01/01/1986.

[4] Về lệ phí sơ thẩm việc dân sự: Bà Huỳnh Thị N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai tại phiên họp về hướng xử lý việc dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 367; 369; 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 6 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959;

- Căn cứ Điều 8; Điều 10; Khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 2; Điều 3; Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Phạm T và bà Huỳnh Thị N.

1.1 Hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy công nhận kết hôn số 444, quyền 01, ngày 23/10/1985 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) đã cấp cho ông Phạm T bà Huỳnh Thị N.

1.2 Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm T, sinh ngày 01/01/1964 và bà Huỳnh Thị N, sinh ngày 01/01/1968, kể từ ngày 01/01/1986.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí ông T bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000463 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 6, tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Hoài Nhơn Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Xuân Chiến